

ỦY BAN NHÂN DÂN NINH THUẬN
CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT

Lưu Kế toán – Tài vụ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý II Năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

QUÝ II - NĂM 2015

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		77.202.439.147	66.715.996.935
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	18.080.243.799	59.551.226.606
1. Tiền	111		18.080.243.799	59.551.226.606
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	50.200.000.000	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		50.200.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.813.195.348	6.102.490.329
1. Phải thu khách hàng	131		4.693.818.903	3.831.050.777
2. Trả trước cho người bán	132		2.510.665.000	1.653.048.000
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	608.711.445	618.391.552
IV. Hàng tồn kho	140		437.000.000	437.000.000
1. Hàng tồn kho	141	V.04	437.000.000	437.000.000
V. V. Tài sản ngắn hạn khác	150		672.000.000	625.280.000
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		672.000.000	625.280.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.513.386.453	8.905.451.064
II. Tài sản cố định	220		6.032.179.287	4.424.243.898
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	6.032.179.287	4.424.243.898
- Nguyên giá	222		9.832.116.998	8.024.047.761
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.799.937.711)	(3.599.803.863)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.477.207.166	4.477.207.166
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	5.500.000.000	5.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.022.792.834)	(1.022.792.834)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.000.000	4.000.000
3. Tài sản dài hạn khác	268		4.000.000	4.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		87.715.825.600	75.621.447.999

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

QUÝ II - NĂM 2015

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

ĐVT: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		27.392.678.339	26.943.493.209
I. Nợ ngắn hạn	310		27.392.678.339	26.943.493.209
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313		4.454	620.895
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	4.736.221.720	6.266.252.210
5. Phải trả người lao động	315		202.955.533	4.623.735.863
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	949.815.591	700.532.200
10. Dự phòng rủi ro trả thưởng	321		19.541.320.250	12.341.320.250
11. Quỹ khen thưởng, Phúc lợi, BQLĐH	323		1.962.360.791	3.011.031.791
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		60.323.147.261	48.677.954.790
I. Vốn chủ sở hữu	410		60.323.147.261	48.677.954.790
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	40.000.000.000	40.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.677.954.790	8.677.954.790
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		11.645.192.471	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		87.715.825.600	75.621.447.999

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
5. Công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng				
6. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp			16.803.768.340	17.092.387.740
8. Doanh thu phát hành vé xổ số kiến thiết			20.000.000.000	20.000.000.000

Ninh Thuận, ngày 16 tháng 7 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Thanh Hiếu

Tăng Nguyên Nam

Nguyễn Khoa Hào

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ II - NĂM 2015

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	54.839.411.210	50.907.712.708	120.359.883.937	112.427.842.343
1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		54.803.081.818	50.836.027.274	120.323.554.545	112.304.045.454
1.1.1 Xổ số truyền thống	0.1.1		54.803.081.818	50.836.027.274	120.323.554.545	112.304.045.454
1.1. Doanh thu kinh doanh khác	01.2		36.329.392	71.685.434	36.329.392	123.796.889
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.148.228.063	6.630.786.165	15.694.376.679	14.648.353.754
Thuế tiêu thụ đặc biệt			7.148.228.063	6.630.786.165	15.694.376.679	14.648.353.754
3. Doanh thu thuần (10=01-02)	10		47.691.183.147	44.276.926.543	104.665.507.258	97.779.488.589
3.1 Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10,1		47.654.853.755	44.205.241.109	104.629.177.866	97.655.691.700
3.1.1 Xổ số truyền thống	10.1.		47.654.853.755	44.205.241.109	104.629.177.866	97.655.691.700
3.2 Doanh thu kinh doanh khác	10,2		36.329.392	71.685.434	36.329.392	123.796.889
4 Chi phí kinh doanh	11	VI.27	45.254.516.234	38.253.615.315	86.331.603.079	84.104.439.293
4.1 Chi phí kinh doanh xổ số	11,1		45.254.516.234	38.253.615.315	86.331.603.079	84.104.439.293
4.1.1 Chi phí trả thưởng	11.1.		34.207.450.000	25.552.900.000	55.109.200.000	50.267.750.000
4.1.2 Chi phí trực tiếp phát hành	11.1.		11.047.066.234	12.700.715.315	31.222.403.079	33.836.689.293
5 Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		2.436.666.913	6.023.311.228	18.333.904.179	13.675.049.296
5.1 Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20,1		2.400.337.521	5.951.625.794	18.297.574.787	13.551.252.407
5.2 Lợi nhuận gộp từ bán hàng và CCDV khác	20,2		36.329.392	71.685.434	36.329.392	123.796.889
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	102.786.707	120.231.570	156.888.148	236.255.427
7. Chi phí tài chính	22	VI.28				
8. Chi phí bán hàng	24					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.376.633.422	5.616.109.546	4.686.598.225	7.142.400.912
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		162.820.198	527.433.252	13.804.194.102	6.768.903.811
11. Thu nhập khác	31		42.347.636	4.360.000	81.000.691	31.620.000
12. Chi phí khác	32				3.692.990	
13. Lợi nhuận khác	40		42.347.636	4.360.000	77.307.701	31.620.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		205.167.834	531.793.252	13.881.501.803	6.800.523.811
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		116.994.515	2.236.309.332	570.895.741
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
17. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60		205.167.834	414.798.737	11.645.192.471	6.229.628.070

Ninh Thuận, ngày 16 tháng 7 năm 2015

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Thanh Hiếu

Tăng Nguyên Nam



Nguyễn Khoa Hào

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

QUÝ II - NĂM 2015

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	94.595.911.005	86.480.785.384
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(5.539.372.370)	(4.385.806.646)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(6.630.653.163)	(5.429.492.469)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(7.648.947.991)	(7.648.947.991)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	4.477.628.484	5.157.762.041
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(69.658.800.557)	(84.601.928.989)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.595.765.408	(10.427.628.670)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.023.636.363)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(50.200.000.000)	(47.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	156.888.148	236.255.427
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(51.066.748.215)	(47.463.744.573)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(41.470.982.807)	(57.891.373.243)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	59.551.226.606	94.010.044.576
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	18.080.243.799	36.118.671.333

Ninh Thuận, ngày 16 tháng 7 năm 2015

Lập biểu

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hiếu

Tăng Nguyên Nam



Nguyễn Khoa Hà

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II Năm 2015

Từ ngày 01/04 đến 30/06/2015

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán Năm 2014 của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Ninh Thuận (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn : sở hữu nhà nước.

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh : phát hành và tiêu thụ vé XSKT.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty đã chuyển sang hình thức Công ty TNHH một thành viên (Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Ninh Thuận).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết được quy định tại Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

Những nội dung không được hướng dẫn ở Thông tư trên, Công ty thực hiện theo Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền: Bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền đang chuyển, các khoản tiền gửi không kỳ hạn,
- Tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận Hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Nhập trước xuất trước (FIFO)
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình : Theo nguyên giá.

Trong bảng Cân đối kế toán, TSCĐ hữu hình được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, Hao mòn lũy kế và Giá trị còn lại.

- Khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 –25 năm
- Máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5 năm
- Tài sản cố định khác	3 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được, số dự phòng giảm giá được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện trên cơ sở giá giao dịch tại ngày kết thúc niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Chi phí trả trước (ngắn hạn, dài hạn) bao gồm: chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm,...

Chi phí trả trước là các khoản chi phí phục vụ hoạt động kinh doanh mà thời gian hữu dụng của nó kéo dài trong nhiều kỳ kế toán và được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

- Phương pháp phân bổ: đường thẳng, theo thời gian hữu dụng ước tính.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng

Quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số”.

Bảo hiểm thất nghiệp

Bảo hiểm thất nghiệp được trích theo tỷ lệ 2% quỹ lương làm cơ sở đóng Bảo hiểm xã hội. Trong đó 1% được hạch toán vào chi phí kinh doanh, 1% còn lại do người lao động đóng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

*Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng hoạt động xổ số được ghi nhận khi Biên bản phát hành và thu hủy vé số được lập của Hội đồng Giám sát Xổ số Tỉnh.

Chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với Doanh thu.

Riêng chi phí trả thưởng được xác định theo thực tế phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

I. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	ĐVT: VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt	325.657.590	219.701.448
- Tiền gửi ngân hàng	17.754.586.209	59.331.525.158
Tổng cộng	<u>18.080.243.799</u>	<u>59.551.226.606</u>
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
2.1 Đầu tư ngắn hạn	50.200.000.000	
Tổng cộng	<u>50.200.000.000</u>	
3. Các khoản phải thu ngắn hạn		
3.1 Phải thu khách hàng	4.693.818.903	3.831.050.777
3.2 Trả trước cho người bán	2.510.665.000	1.653.048.000
3.3 Các khoản phải thu khác	608.711.445	618.391.552
Tổng cộng	<u>7.813.195.348</u>	<u>6.102.490.329</u>
3.1 Phải thu khách hàng		
- Tiền vé số còn phải thu của các đại lý	4.693.818.903	3.831.050.777
- Các đối tượng khác		

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Cộng	4.693.818.903	3.831.050.777
3.2 Trả trước cho người bán		
- Chi Cục Văn thư – Lưu trữ	20.500.000	-
- Công ty TNHH TM & XD Hiếu Thảo	2.245.981.000	1.525.981.000
- Công ty Tư Vấn Thuận Phát dự án	20.567.000	20.567.000
- Công ty Tư Vấn Thuận Phát khảo sát	106.500.000	106.500.000
Cộng	2.510.665.000	1.653.048.000
3.3 Các khoản phải thu khác		
- Thu hộ thuế TNCN của CBCNV	295.481.445	144.091.552
- Phải thu khác (Cty TNHH MTV NN XSKT T.T Huế)	262.970.000	472.300.000
- Các đối tượng khác	50.260.000	2.000.000
Cộng	609.711.445	618.391.552
4. Hàng tồn kho		
- Vé xổ số	215.441.000	128.041.000
- Hàng gửi đi bán	221.559.000	308.959.000
Cộng	437.000.000	437.000.000
5. Tài sản ngắn hạn khác		
- Khoản tạm ứng của cán bộ, công nhân viên công ty.	672.000.000	625.280.000
Tổng cộng	672.000.000	625.280.000

6. Tăng giảm Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhóm TSCĐ Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
- Số đầu năm	4.256.750.742	3.268.599.066	498.697.953	8.024.047.761
- Mua trong năm	-	1.881.870.909	-	1.881.870.909
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	68.181.818	68.181.818
- Thanh lý	-	-	141.983.490	141.983.490
- Số cuối kỳ	4.256.750.742	5.150.469.975	424.896.281	9.832.116.998
Giá trị hao mòn				
- Số đầu năm	1.612.149.265	1.560.531.464	427.123.134	3.599.803.863
- Khấu hao trong kỳ	53.209.386	274.083.223	14.824.729	342.117.338
- Thanh lý	-	-	141.983.490	141.983.490
- Số cuối kỳ	1.665.358.651	1.834.614.687	299.964.373	3.799.937.711
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	2.644.601.477	1.708.067.602	71.574.819	4.424.243.898
- Tại ngày cuối kỳ	2.591.392.091	3.315.855.288	124.931.908	6.032.179.287

7. Đầu tư dài hạn khác

- Đầu tư cổ phiếu (*)	5.500.000.000	5.500.000.000
-----------------------	---------------	---------------

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.022.792.834)	(1.022.792.834)
Cộng	4.477.207.166	4.477.207.166

8. Tài sản dài hạn khác

8.1 Chi phí trả trước dài hạn		
8.2 Tài sản dài hạn khác	4.000.000	4.000.000
Tổng cộng	4.000.000	4.000.000

8.2 Tài sản dài hạn khác

- Ký quỹ lắp đặt điện thoại tại Bưu điện Bình định	4.000.000	4.000.000
Tổng cộng	4.000.000	4.000.000

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Thuế Giá trị gia tăng	1.594.542.355	1.401.387.430
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	2.166.932.016	1.938.878.656
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.751.498.620
- Thuế Thu nhập cá nhân	974.747.349	1.174.487.504
- Các khoản nộp vào ngân sách khác		
Cộng	4.736.221.720	6.266.252.210

Thuế giá trị gia tăng: Phương pháp tính thuế phải nộp: khấu trừ - Thuế suất 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế suất 22%.

Thuế Tiêu thụ đặc biệt: Thuế suất 15%.

Thu tài chính: Là khoản phải nộp vào ngân sách, sau khi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp và trích lập các Quỹ theo quy định.

Các khoản thuế khác thu hộ

- Các khoản thuế khác Công ty kê khai và nộp theo quy định của Luật quản lý thuế.

- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

10. Phải trả người lao động

- Tiền lương phải trả cho người lao động	202.955.533	4.623.735.863
Tổng cộng	202.955.533	4.623.735.863

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

- Hội đồng khu vực Miền trung	379.490.634	
- Cty Xổ số Kiến thiết Thừa Thiên Huế	482.050.000	665.950.000
- Các đối tượng khác	88.274.957	34.582.200
Cộng	949.815.591	700.532.200

12. Dự phòng rủi ro trả thưởng

- Dự phòng rủi ro trả thưởng	19.541.320.250	12.341.320.250
Tổng cộng	19.541.320.250	12.341.320.250

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

- Quỹ khen thưởng	669.444.851	1.246.084.851
- Quỹ phúc lợi	1.138.856.485	1.522.937.485
- Quỹ thưởng cho Viên chức quản lý	154.059.455	242.009.455
Cộng	1.962.444.851	3.011.031.791

14.Vốn chủ sở hữu

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối kỳ
❖	Vốn chủ sở hữu				
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.000.000.000			40.000.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	8.677.954.790			8.677.954.790
3	Lợi nhuận chưa phân phối		11.645.192.471		11.645.192.471
	Tổng cộng	48.667.954.790	11.645.192.471		60.313.147.261

VI.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

	<u>Quý II Năm 2015</u>	<u>Quý II Năm 2014</u>
16.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng	54.803.081.818	50.836.027.274
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và DT khác	36.329.392	71.685.434
Tổng doanh thu	54.839.411.210	50.907.712.708
Các khoản giảm trừ	(7.148.228.063)	(6.630.786.165)
Doanh thu thuần		
- Doanh thu thuần xổ số	47.654.853.755	44.205.241.109
- Doanh thu thuần bán hàng và dịch vụ khác	36.329.392	71.685.434
Cộng	47.691.183.147	44.276.926.543
17.Chi phí kinh doanh		
- Chi phí trực tiếp phát hành	20.175.336.845	21.135.973.978
+ Hoa hồng bán vé	9.042.508.500	8.387.944.500
+ Chi phí in vé	1.136.200.000	1.066.000.000
+ Chi phí khác	868.357.734	839.855.815
+Chi phí dự phòng trả thưởng		2.406.915.000
- Chi phí trả thưởng	34.207.450.000	25.552.900.000
Tổng cộng	45.254.516.234	38.253.615.315
18.Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	102.786.707	120.231.570
Cộng	102.786.707	120.231.570
19.Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	989.779.751	4.520.422.857
- Chi phí vật liệu quản lý	16.617.946	37.216.821
- Chi phí đồ dùng văn phòng	25.194.136	46.383.063

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

- Chi phí khấu hao TSCĐ	189.686.202	103.028.274
- Thuế, phí và lệ phí	2.261.555	59.800.419
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.539.253	61.028.600
- Chi phí bằng tiền khác	1.074.554.579	788.229.512
Cộng	2.376.633.422	5.616.109.546
20.Thu nhập khác:	42.347.636	4.360.000
21.Chi phí khác		
22.Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và lợi nhuận sau thuế		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	205.167.834	531.793.252
Chi phí không hợp lý theo Luật thuế		
Tổng thu nhập chịu thuế	205.167.834	531.793.252
- Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		116.994.515
Chi phí thuế TNDN hiện hành		116.994.515
Lợi nhuận sau thuế TNDN	205.167.834	414.798.737

VII.NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Bộ Tài Chính đã ban hành các Văn bản về công tác tài chính kế toán cho hoạt động xổ số có hiệu lực thi hành như sau:

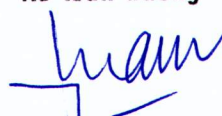
- Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 “Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty xổ số kiến thiết”.
- Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 “Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định” của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp” và có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký.
- Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng”; Thông tư số 85/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.
- Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số.
- Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Ninh Thuận, ngày 16 tháng 7 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Trần Thị Thanh Hiếu


Tăng Nguyên Nam




Nguyễn Khoa Hà